

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày 22 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nguyên Thoại; Ông Hoàng Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (Đường B2, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2018/TLST- HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Tuấn A** - Sinh ngày 01/10/1963, tại xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Thọ

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Ph, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn N và bà Vi Thị G; Vợ thứ nhất là Phạm Thị Ngh (Đã ly hôn); Vợ thứ hai là Vũ Thị Thanh H (Đã ly hôn); Bị cáo có 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND phường Phố Mới áp dụng biện pháp cai nghiện tại cộng đồng chấp hành xong ngày 16/01/2018;

Nhân thân: Tại bản án hình sự số 13/HSST ngày 27/3/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn xử phạt 06 năm tù về tội “trộm cắp tài sản công dân” và “sử dụng vũ khí quân dụng trái phép” đến ngày 29/7/1991 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm xử phạt Bùi Tuấn A 5 năm tù. Năm 1996 thi hành xong bản án trên. Đã được xóa án tích; Bản án hình sự số 19/HSST ngày 20/5/1998 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng xử phạt 30 tháng tù về tội “đánh bạc” và “tổ chức đánh bạc”. Năm 2000 chấp hành xong hình phạt tù, đến ngày 15/4/2005 chấp hành xong khoản tiền phạt và án phí là 2.050.000 đồng. Đã được xóa án tích; Tại bản án số 92/HSST ngày 27/7/2010 Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, phạt tiền sung công quỹ nhà nước 5.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí sơ thẩm

ngày 05/10/2010 Bùi Tuấn A thi hành xong khoản tiền trên, năm 2012 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Đến nay đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lào Cai. “Có mặt”.

- *Người bị hại:* Anh Phạm Văn H - Sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở: Tổ 03, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái “Vắng mặt”

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn Kh - sinh năm 1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Nơi ở: Số nhà 344, đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 26/3/2018, Bùi Tuấn A đi bộ từ nhà đến bến xe Phố Mới thì gặp đối tượng tên Mạnh (không rõ họ tên đệm, địa chỉ cụ thể). Mạnh rủ Bùi Tuấn A đi sang phường Bắc Cường trộm cắp hộp đen máy xúc để bán lấy tiền, Bùi Tuấn A đồng ý. Mạnh lái xe của Mạnh đưa Bùi Tuấn A đến xưởng cơ khí số nhà 320, đường L, tổ 12, phường B, thành phố Lào Cai. Mạnh dừng xe ở ngoài đường và đứng cạnh giới còn Bùi Tuấn A đi lách qua cổng sắt đi vào bên trong, mở hộp sắt màu xanh tìm hộp đen nhưng không thấy nên đi vào cửa phòng ngủ thấy khóa cửa không vào được, Bùi Tuấn A đi sang phía nhà kho và nhặt theo một chiếc cờ lê để cạy cửa, Bùi Tuấn A đi đến cửa sau thấy cửa mở nên để chiếc Cờ lê ở thành bể nước rồi mở cửa đi vào bên trong nhà. Vào trong nhà thấy có ba người đang ngủ trên giường, hai chiếc điện thoại để ở mép giường gồm 01 chiếc Iphone 6 Plus màu xám, 16GB và 01 chiếc Iphone 6 màu vàng gold 16GB, Bùi Tuấn A cầm hai chiếc điện thoại cho vào túi quần, quay ra thì thấy 02 chiếc ví để ở trên nóc tủ lạnh toàn bộ số tài sản trên là của anh Phạm Văn H, Bùi Tuấn A lấy hai ví rồi đi ra ngoài đường nơi Mạnh đang chờ, Mạnh chở Bùi Tuấn A đến cầu Kim Tân, Bùi Tuấn A đưa hai ví cho Mạnh, Mạnh dỡ ra xem có 1.700.000 đồng và lấy tiền trong ví đưa cho Bùi Tuấn A 700.000 đồng, số còn lại Mạnh cầm hết, sau đó vứt hai ví xuống Suối. Bùi Tuấn A đưa hai chiếc điện thoại cho Mạnh, Mạnh cầm rồi tháo sim vứt xuống Suối và đưa lại cho Bùi Tuấn A và nói “chú bán được bao nhiêu sẽ chia tiền sau”. Mạnh chở Bùi Tuấn A đi sang đầu cầu Phố Mới về phòng trọ. Đến khoảng 10 giờ ngày 26/3/2018 Bùi Tuấn A đem chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng ra Cửa hàng điện thoại Kh Mobile tại số nhà 344 đường H, phường K bán cho Nguyễn Văn Kh bán với giá 1.500.000 đồng; đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày Bùi Tuấn A tiếp tục đem chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, màu xám đến quán Kh Mobile bán cho Nguyễn Văn Kh được 1.300.000 đồng. Đối với số tiền trộm cắp và tiền bán 02 chiếc điện thoại Bùi Tuấn A chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua được điện thoại của Bùi Tuấn A, Nguyễn Văn Kh đã bán chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng cho

một người không biết tên tuổi địa chỉ, chiếc Iphone 6 Plus màu xám Kh đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định.

Kết luận định giá tài sản ngày 02/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Lào Cai kết luận: 01 chiếc Iphone 6, màu vàng gold, 16GB có giá trị còn lại là 2.431.200 đồng; 01 chiếc Iphone 6 plus, màu xám, 16GB có giá trị còn lại là 5.225.500 đồng. Tổng trị giá tài sản hai chiếc điện thoại là 7.656.700 đồng

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Tuấn A khai nhận ngày 26/3/2018, tại số nhà số nhà 320, Đường L, phường B, thành phố L. Bùi Tuấn A đã trộm cắp 01 chiếc Iphone 6 Plus màu xám, 16GB và 01 chiếc Iphone 6 màu vàng gold 16GB, 02 ví da trong đó có 1.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bùi Tuấn A trộm cắp là 9.356.700 đồng.

Cáo trạng số 38/KSĐT ngày 25/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai truy tố bị cáo Bùi Tuấn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Bùi Tuấn A đã khai nhận tội, bị cáo đã trộm cắp 01 chiếc Iphone 6 Plus màu xám, 16GB và 01 chiếc Iphone 6 màu vàng gold 16GB, 02 ví da trong đó có 1.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bùi Tuấn A trộm cắp là 9.356.700 đồng. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; Điểm h, s khoản 1 điều, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Bùi Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự: Bị cáo Bùi Tuấn A phải bồi thường cho anh Phạm Văn H số tiền là 4.131.200 đồng;

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Bùi Tuấn A số tiền 1.300.000 đồng do phạm tội mà có. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng do anh Nguyễn Văn Kh giao nộp;

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Tuấn A: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Khoảng 01 giờ ngày 26/3/2018 tại số nhà số nhà 320, đường L, phường B, thành phố L bị cáo đã trộm cắp 01 chiếc Iphone 6, màu vàng gold, 16GB có giá trị là 2.431.200 đồng; 01 chiếc Iphone 6 plus, màu xám, 16GB có giá trị là 5.225.500 đồng, 02 ví da trong đó có 1.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bùi Tuấn A trộm cắp là 9.356.700 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, giá trị tài sản trộm cắp trị giá 9.356.700 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai đã truy tố bị cáo theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, bị cáo có nhân thân xấu đã 03 lần bị xét xử về hình sự, 01 tiền sự về việc bị áp dụng biện pháp cai nghiện tại cộng đồng. Vì vậy cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; Có bố đẻ là Bùi Văn N được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và mẹ đẻ là Vi Thị G được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm 5.000.000 đến 50.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa bị cáo là người lao động tự do, không có việc làm ổn định, lại nghiện ma túy nên không có thu nhập gì. Vì vậy Hội đồng xét xử định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Phạm Văn H đã nhận lại 01 chiếc Iphone 6 plus, màu xám. Anh H yêu cầu Bùi Tuấn A phải bồi thường cho anh số tiền 1.700.000 đồng và giá trị chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng là 2.431.200 đồng, tổng cộng là 4.131.200 đồng. Xét yêu cầu đòi bồi thường của anh H là có căn cứ cần chấp nhận; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Kh không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.300.000 đồng là số tiền anh đã bỏ ra mua chiếc Iphone 6 plus, màu xám nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu xám, số Imei 355878065500667 và 200.000 đồng do anh Nguyễn Văn Kh giao nộp. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Văn H chiếc điện thoại, số tiền 200.000 đồng anh Kh không yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; Đối với số tiền 1.300.000 đồng anh Kh bỏ ra mua chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu xám, anh Kh không yêu cầu Bùi Tuấn A phải bồi thường và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật vì vậy cần phải truy thu của bị cáo 1.300.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[9] Đối với đối tượng tên Mạnh, Bùi Tuấn A khai đã trộm cắp cùng do Bùi Tuấn A không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của Mạnh nên cơ quan điều tra chưa có đủ cơ sở để xác minh làm rõ được; Đối với Nguyễn Văn Kh đã mua điều thoại của Bùi Tuấn A nhưng Kh không biết đó là tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Nguyễn Văn Kh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Bùi Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn A 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/3/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Bùi Tuấn A phải bồi thường cho anh Phạm Văn H số tiền là 4.131.200 đồng (Bốn triệu một trăm ba một nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo Bùi Tuấn A phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Bùi Tuấn A số tiền 1.300.000 đồng do phạm tội mà có

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) do anh Nguyễn Văn Kh giao nộp theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lào Cai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Tuấn A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP 2;
- Công an TP 3;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại
- T.H.A 2;
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Lanh